

Số: /2026/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 26 tháng 6 năm 2026

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức hỗ trợ tối đa cho 01 dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;*

*Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 60/2026/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng, thanh toán và quyết toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030;*

*Căn cứ Thông tư số 23/2026/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Xét Tờ trình số 137/TTr-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ tối đa cho 01 dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững*

và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 140/BC-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2026 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ tối đa cho 01 dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ tối đa cho 01 dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 56 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện các dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; dự án phát triển sản xuất cộng đồng; dự án phát triển sản xuất theo nhiệm vụ được hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

### **Điều 3. Nguyên tắc thực hiện**

1. Chủ dự án có thể tham gia đồng thời nhiều dự án trong cùng một thời điểm.
2. Một đối tượng có thể tham gia nhiều dự án nhưng không được hỗ trợ trùng lặp đối với cùng một loại cây trồng, vật nuôi hoặc sản phẩm sản xuất. Tổng mức hỗ trợ cho 01 đối tượng tham gia các dự án không vượt quá mức hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều 4, khoản 2 Điều 5, khoản 2 Điều 6 trong Nghị quyết này.
3. Những nội dung khác không được quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 4. Mức hỗ trợ tối đa cho 01 dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị**

1. Mức hỗ trợ tối đa cho 01 dự án: Hỗ trợ tối đa 80% tổng kinh phí thực hiện 01 dự án trên địa bàn xã khu vực III, xã biên giới, xã An toàn khu, thôn đặc biệt khó khăn; không quá 70% tổng kinh phí thực hiện 01 dự án trên địa bàn xã khu vực II; không quá 50% tổng kinh phí thực hiện 01 dự án trên các địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia, nhưng không quá 5,5 tỷ đồng/dự án.

2. Định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án

a) Đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo); hộ dân tộc thiểu số; hộ người có công với cách mạng: Định mức hỗ trợ cho 01 đối tượng tham gia dự án tối đa là 60 triệu đồng/đối tượng.

b) Đối tượng không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này: Định mức hỗ trợ cho 01 đối tượng tham gia dự án tối đa bằng 70% định mức quy định tại điểm a khoản này khi tham gia cùng 01 dự án.

**Điều 5. Mức hỗ trợ tối đa cho 01 dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất của cộng đồng**

1. Mức hỗ trợ tối đa cho 01 dự án: Hỗ trợ tối đa 95% tổng kinh phí thực hiện 01 dự án trên địa bàn xã khu vực III, xã biên giới, xã an toàn khu, thôn đặc biệt khó khăn; không quá 80% tổng kinh phí thực hiện 01 dự án trên địa bàn xã khu vực II; không quá 60% tổng kinh phí thực hiện 01 dự án trên các địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia nhưng không quá 01 tỷ đồng/dự án.

2. Định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án

a) Đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo); hộ dân tộc thiểu số; hộ người có công với cách mạng: Định mức hỗ trợ cho 01 đối tượng tham gia dự án tối đa là 50 triệu đồng/đối tượng.

b) Đối tượng không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này: Định mức hỗ trợ cho 01 đối tượng tham gia dự án tối đa bằng 70% định mức quy định tại điểm a khoản này khi tham gia cùng 01 dự án.

**Điều 6. Mức hỗ trợ tối đa cho 01 dự án, định mức hỗ trợ cho từng đối tượng tham gia dự án theo nhiệm vụ**

1. Mức hỗ trợ tối đa cho 01 dự án: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện 01 dự án nhưng không quá 03 tỷ đồng/dự án.

2. Định mức hỗ trợ cho từng đối tượng tham gia dự án

a) Đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo); hộ dân tộc thiểu số; hộ người có công với cách mạng: Định mức hỗ trợ cho 01 đối tượng tham gia dự án tối đa là 60 triệu đồng/đối tượng.

b) Đối tượng không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này: Định mức hỗ trợ cho 01 đối tượng tham gia dự án tối đa bằng 70% định mức quy định tại điểm a khoản này khi tham gia cùng 01 dự án.

**Điều 7. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 8. Điều khoản thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 7 năm 2026.

2. Bãi bỏ khoản 2 Điều 1, Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; định mức, nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

3. Các dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất sử dụng nguồn vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 (*được kéo dài thời gian thực hiện theo quy định tại các nghị quyết của Quốc hội*) được tiếp tục áp dụng quy định về nội dung hỗ trợ, định mức hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn theo quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND đến hết 31 tháng 12 năm 2026.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XX, kỳ họp thứ tư thông qua ngày 26 tháng 6 năm 2026./.*

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN và các Tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và phát thanh, truyền hình Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Cơ sở dữ liệu VBQPPL tỉnh;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, DT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hầu Minh Lợi**